|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT BA TƠ  **TỔ:** SỬ - ĐỊA - CD  Họ và tên: Đinh Thị Trà Giang | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA LÍ, LỚP 10**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình: Địa lí 10**

**Cả năm: 70 tiết (35 tuần)**

**Học kì I: 36 tiết (18 tuần)**

**Học kì II: 34 tiết (17 tuần)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Thời điểm/ tuần**  **(3)** | **Thiết bị dạy học**  **(4)** | **Địa điểm dạy học**  **(5)** |
| **Phần một. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG** | | **4** |  |  |  |
| 1 | **Bài 1.** Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh | 1 | 1 | * Sách giáo khoa | Lớp học |
|  | **Chương 1. Sử dụng bản đồ** | **3** |  |  |  |
| 2 | **Bài 2.** Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ | 2 | 1, 2 | - Bản đồ tự nhiên Việt Nam  - Bản đồ dân cư Việt Nam  - Bản đồ kinh tế chung Việt Nam | Lớp học |
| 3 | **Bài 3.** Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đờisống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống | 1 | 2 | -Sách giáo khoa | Lớp học |
| **Phần hai. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN** | | **28** |  |  |  |
|  | **Chương 2. Trái đất** | **4** |  |  |  |
| 4 | **Bài 4.**  Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất | 2 | 3 | -Quả địa cầu | Lớp học |
| 5 | **Bài 5.**  Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất | 2 | 4 | -Quả địa cầu | Lớp học |
|  | **Chương 3. Thạch quyển** | **5** |  |  |  |
| 6 | **Bài 6.**  Thạch quyển, Thuyết kiến tạo mảng | 1 | 5 | -Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa | Lớp học |
| 7 | **Bài 7.**  Nội lực và ngoại lực | 3 | 5,6 | -Bản đồ tự nhiên Việt Nam | Lớp học |
| 8 | **Bài 8.**  Thực hành: Sự phân bố các vành đai động đất,núi lửa | 1 | 7 | -Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa | *Phòng học bộ môn* |
|  | **Chương 4. Khí quyển** | **6** |  |  |  |
| 9 | Bài 9. Khí quyển, các yếu tố khí hậu | 4 | 7.8,9 | - Bản đồ khí hậu thế giới  - Bản đồ tự nhiên thế giới | Lớp học |
| 10 | **Bài 10.**  Thực hành: Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất. Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển | 2 | 9,10 | -Bản đồ khí hậu thế giới | *Phòng học bộ môn* |
| 11 | **Ôn tập giữa kì 1** | **1** | **10** |  |  |
| 12 | **Kiểm tra giữa kì 1** | **1** | **11** |  |  |
| 13 | **Chương 5. Thuỷ quyển** | 5 |  |  |  |
| 14 | **Bài 11.**  Thuỷ quyển, nước trên lục địa | 2 | 11, 12 | -Bản đồ tự nhiên TG | Lớp học |
| 15 | **Bài 12.**  Nước biển và đại dương | 2 | 12, 13 | -Bản đồ tự nhiên TG | Lớp học |
|  | **Bài 13.**  Thực hành: Phân tích chế độ nước sông Hồng | 1 | 13 | -Bản đồ tự nhiên VN | *Phòng học bộ môn* |
| 16 | **Chương 6. Sinh quyển** | 5 |  |  |  |
| 17 | **Bài 14.**  Đất trên Trái Đất | 1 | 14 | -Bản đồ tự nhiên TG  -Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất | Lớp học |
| 18 | **Bài 15.**  Sinh quyển | 2 | 14, 15 | -Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất | Lớp học |
| 19 | **Bài 16.**  Thực hành: Tìm hiểu sự phân bố đất và sinh vật trên Trái Đất | 2 | 15, 16 | -Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất | *Phòng học bộ môn* |
| 20 | **Chương 7. Một số quy luật của vỏ địa lí** | **3** |  |  |  |
| 21 | **Bài 17. Lớp** vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí | 1 | 16 | -Bản đồ tự nhiên TG | Lớp học |
| 22 | **Bài 18.** Quy luật địa đới và phi địa đới | 2 | 17 | -Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất | Lớp học |
| 23 | **Ôn tập cuối kì I** | **1** | **18** |  | Lớp học |
|  | **Kiểm tra cuối kì I** | **1** | **18** |  | Lớp học |
|  | **Phần ba. ĐỊA LÍ KT-XH** | **30** |  |  |  |
| 24 | **Chương 8. Địa lí dân cư** | **5** |  |  |  |
| 25 | **Bài 19.** Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới. | 3 | 19, 20 | -Bản đồ dân cư thế giới | Lớp học |
|  | **Bài 20.** Phân bố dân cư và đô thị hoá | 2 | 20, 21 | -Bản đồ dân cư thế giới | Lớp học |
| 26 | **Chương 9. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế** | **3** |  |  |  |
| 27 | **Bài 21.** Các nguồn lực phát triển kinh tế | 1 | 21 | -Bản đồ KT thế giới | Lớp học |
|  | **Bài 22.** Cơ cấu nền kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốcgia | 2 | 22 | -Bản đồ KT thế giới | Lớp học |
| 28 | **Chương 10. Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷsản** | **6** |  |  |  |
| 29 | **Bài 23.** Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷsản. | 1 | 23 | -Bản đồ nông nghiệp thế giới | Lớp học |
| 30 | **Bài 24.** Địa lí ngành nông nghiệp | 2 | 23, 24 | -Bản đồ nông nghiệp thế giới | Lớp học |
| 31 | **Bài 25.** Địa lí ngành lâm nghiệp, thuỷ sản. | 1 | 24 | -Bản đồ nông nghiệp thế giới | Lớp học |
| 32 | **Bài 26.** Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai | 1 | 25 | Bản đồ nông nghiệp thế giới | Lớp học |
| 33 | **Bài 27.** Thực hành.  vẽ và nhận xét biểu đồ về sản lượng lương thực của thế giới | 1 | 25 |  | *Phòng học bộ môn* |
| 34 | **Ôn tập giữa kì II** | 1 | 26 |  | Lớp học |
|  | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | 26 |  | Lớp học |
| 35 | **Chương 11. Địa lí ngành công nghiệp** | **6** |  |  |  |
| 36 | **Bài 28.** Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp | 1 | 27 | -Bản đồ công nghiệp thế giới | Lớp học |
| 37 | **Bài 29.** Địa lí một số ngành công nghiệp | 2 | 27, 28 | -Bản đồ công nghiệp thế giới | Lớp học |
| 38 | **Bài 30.** Tổ chức lãnh thổ công nghiệp | 1 | 28 | -Bản đồ công nghiệp thế giới | Lớp học |
| 39 | **Bài 31.** Tác động củacông nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. | 1 | 29 | -Bản đồ công nghiệp thế giới | Lớp học |
|  | **Bài 32.** Thực hành: viết báo cáo tìm hiểu một vấn đề về công nghiệp | 1 | 29 |  | Phòng học bộ môn |
| 40 | **Chương 12. Địa lí ngành dịch vụ** | **8** |  |  |  |
| 41 | **Bài 33.** Cơ cấu, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. | 1 | 30 | -Bản đồ du lịch thế giới | Lớp học |
| 42 | **Bài 34.** Địa lí ngành giao thông vận tải | 2 | 30, 31 | -Bản đồ GTVT thế giới | Lớp học |
| 43 | **Bài 35.** Địa lí ngành bưu chính viễn thông | 1 | 31 |  | Lớp học |
| 44 | **Bài 36.** Địa lí ngành du lịch | 1 | 32 | -Bản đồ du lịch thế giới | Lớp học |
| 45 | **Bài 37.** Địa lí ngành thương mại và  tài chính ngân hàng | 2 | 32,33 | -Bản đồ thương mại thế giới | Lớp học |
|  | **Bài 38.** Thực hành: viết báo cáo tìm hiểu một ngành dịch vụ | 1 | 33 |  | Phòng học bộ môn |
| 46 | **Chương 13. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh** | **2** |  |  |  |
| 47 | **Bài 39.** Môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 1 | 34 |  | Lớp học |
| 48 | **Bài 40.** Phát triển bềnvững và tăng trưởng xanh | 1 | 34 |  | Lớp học |
| 49 | **Ôn tập cuối kì II** | 1 | 35 |  | Lớp học |
| 50 | **Kiểm tra cuối kì II** | 1 | 35 |  | Lớp học |
|  |  |  |  |  |  |

**1.1. Phân phối chương trình Địa lí 11**

**Cả năm: 35 tiết (35 tuần)**

**Học kì I: 18 tiết (18 tuần)**

**Học kì II: 17 tiết (17 tuần)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Thời điểm/ tuần**  **(3)** | **Thiết bị dạy học**  **(4)** | | **Địa điểm dạy học**  **(5)** | |
|  | **KHÁI QUÁT NỀN KT- XH THẾ GIỚI** |  |  |  |  | |
| **1** | **Bài 1:**  Sự tương phản về trình độ phát triển KT-XH của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại | **1** | **1** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **2** | **Bài 2:**  Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá.  *(Tích hợp bài 4)* | **2** | **2** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **3**  **4** | **Bài 3:**  Một số vấn đề mang tính toàn cầu  **Bài 4**: Thực hành: Tìm hiểu những cơ hội và thách thức của TCH… | **1**  **1** | **3**  **4** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **5** | **Bài 5:**  **Một số vấn đề của Châu lục và khu vực**  Tiết 1- Một số vấn đề của Châu Phi | **1** | **5** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **6** | **Bài 5:**  **Một số vấn đề của Châu lục và khu vực**  Tiết 2: Một số vấn đề của Mĩ La Tinh | **1** | **6** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **7** | **Bài 5:**  **Một số vấn đề của Châu lục và khu vực**  Tiết 3- Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và Trung Á | **1** | **7** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **8** | **ÔN TẬP** | **1** | **8** | -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **9** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** | **1** | **9** | Bút, thước kẻ, giấy nháp.  -Đề kiểm tra | **Lớp học** | |
|  | **ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA** |  |  |  |  | |
| **10** | **Bài 6:**  **Hợp chúng quốc Hoa Kì**  Tiết 1-Tự nhiên và dân cư của Hoa Kì | **1** | **10** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **11** | **Bài 6:**  **Hợp chúng quốc Hoa Kì**  Tiết 2:Kinh tế của Hoa Kì | **1** | **11** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **12** | **Bài 6:**  **Hợp chúng quốc Hoa Kì**  Tiết 3-Thực hành: Tìm hiểu sự phân hoá lãnh thổ sản xuất Hoa Kì | **1** | **12** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **13** | **Bài 7:**  **Liên minh Châu Âu**  Tiết 1: EU-Liên minh khu vực lớn nhất thế giới.  *(Tích hợp bài 7- tiết 3)* | **2** | **13+14** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **14** | **Bài 7:**  **Liên minh Châu Âu(tt)**  Tiết 2-EU-Hợp tác liên kết để cùng phát triển | **1** | **15** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **15** | **Bài 8:**  **Liên Bang Nga**  Tiết 1: Tự nhiên,dân cư,xã hội | **1** | **16** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **16** | **ÔN TẬP** | **1** | **17** | -Sgk, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** | |
| **17** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** | **1** | **18** | -Bút, thước kẻ, giấy nháp.  -Đề kiểm tra | **Lớp học** | |
| **18** | **Bài 8**:  **Liên bang Nga (tt)**  Tiết 2: Kinh tế | **1** | **19** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **19** | **Bài 8:**  **Liên bang Nga (tt)**  Tiết 3:Thực hành: Tìm hiểu sự thay đổi GDP và phân bố nông nghiệp Liên Bang Nga | **1** | **20** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **20** | **Bài 9:**  **Nhật Bản**  Tiết 1: Tự nhiên,dân cư và tình hình phát triển kinh tế Nhật Bản | **1** | **21** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **21** | **Bài 9:**  **Nhật Bản**(TT)  Tiết 2: Các ngành kinh tế Nhật Bản  ( Tích hợp tiết 3- bài 9) | **2** | **22+23** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **22** | **Bài 10:**  **Trung Quốc**  Tiết 1: Tự nhiên, dân cư-xã hội Trung Quốc | **1** | **24** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **23** | **Bài 10:**  **Trung Quốc (tt)**  Tiết 2: Kinh tế Trung Quốc | **1** | **25** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **24** | **Bài 10:**  **Trung Quốc (TT)**  Tiết 3: Thực hành: Tìm hiểu sự thay đổi trong nền kinh tế Trung Quốc | **1** | **26** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **25** | **ÔN TẬP** | **1** | **27** | -Sgk, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** | |
| **26** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** | **1** | **28** | -Bút, thước kẻ, giấy nháp.  -Đề kiểm tra | **Lớp học** | |
| **27** | **Bài 11:**  **Khu vực Đông Nam Á**  Tiết 1: Tự nhiên, dân cư- xã hội | **1** | **29** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **28** | **Bài 11:**  **Khu vực Đông Nam Á(tt)**  Tiết 2: Khu vực Đông Nam Á- kinh tế | **1** | **30** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **29** | **Bài 11:**  **Khu vực Đông Nam Á(tt)**  Tiết 3: Hiệp hội các nước Đông Nam (ASEAN) | **1** | **31** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **30** | **Bài 11:**  **Khu vực Đông Nam Á(tt)**  Tiết 4: Thực hành: Tìm hiểu hoạt động kinh tế đối ngoại của Đông Nam Á. | **1** | **32** | -Máy tính, máy chiếu.  -SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** | |
| **31** | **Bài 12:**  **Ôtraylia**  Thực hành: Viết báo cáo và trình bày về vấn đề dân cư ở Ô-xtrây-li-a | **1** | **33** |  | **Lớp học** | |
| **32** | **ÔN TẬP** | **1** | **34`** | -Sgk, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** | |
| **33** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** | **1** | **35** | -Bút, thước kẻ, giấy nháp.  -Đề kiểm tra | **Lớp học** | |

**1.2. Phân phối chương trình địa lí lớp 12**

**Cả năm: 52 tiết (35 tuần)**

**Học kì I: 18 tiết (18 tuần)**

**Học kì II: 17 tiết (17 tuần)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Thời điểm/ tuần**  **(3)** | **Thiết bị dạy học**  **(4)** | **Địa điểm dạy học**  **(5)** |
|  | **HỌC KÌ I** |  |  |  |  |
| **1.** | **Bài 2**: Vị trí địa lí và ý nghĩa của vị trí địa lí | **1** | **1** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **2.** | **Bài 2**: Phạm vi lãnh thổ | **1** | **2** | Máy tính, máy chiếu.  SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **3.** | **Bài 3**: Thực hành:Vẽ lược đồ Việt Nam | **1** | **3** | Máy tính, máy chiếu.  SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **4.** | **Bài 6. Đất nước nhiều đồi núi** | **2** | **4,5** | Bản đồ Tự nhiên, khí hậu, đất,thực động vật Việt Nam | **Lớp học** |
| **5.** | **Bài 7. Đất nước nhiều đồi núi (tt**) | **1** | **6** | Bản đồ Tự nhiên, khí hậu, đất,thực động vật Việt Nam | **Lớp học** |
| **6.** | **Bài 8. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển** | **1** | **7** | **Atlat ,Bản đồ Tự nhiên Việt Nam** | **Lớp học** |
| **7.** | **ÔN TẬP** | **1** | **8** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **8.** | **KIỂM TRA GIỮA KÌ I** | **1** | **9** | Atlat | **Lớp học** |
| **9.** | Bài 9. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa | **1** | **10** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **10.** | Bài 10. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (tt) | **1** | **11** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **11.** | Bài 11. Thiên nhiên phân hoá đa dạng | **2** | **12,13** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **12.** | Bài 12. Thiên nhiên phân hoá đa dạng(tt) | **1** | **14** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **13.** | **Bài 14.** **Sử dụng và bảo vệ TNTN** | **1** | **15** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **14.** | **Bài 15. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai** | **1** | **16** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video. | **Lớp học** |
| **15.** | **ÔN TẬP** | **1** | **17** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **16.** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1** | **1** | **18** | Atlat | **Lớp học** |
|  | **HỌC KÌ II** |  |  |  |  |
| **17.** | **Bài 16. Đặc điểm dân số** | **1** | **19** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** |
| **18.** | **Bài 16. Phân bố dân cư** | **1** |  | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** |
| **19.** | **Bài 17. Lao động và việc làm** | **1** | **20** | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** |
| **20.** | **Bài 18. Đô thị hóa** | **1** |  | SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ | **Lớp học** |
| **21.** | **Bài 19. Thực hành: Vẽ biểu đồ và phân tích sự phân hóa về thu nhập theo đầu người giữa các vùng** | **1** | **21** | SGK, Atlat, biểu đồ | **Lớp học** |
| **22.** | **Bài 20.**  **Tiết 1: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập.** | **1** |  | SGK, Atlat, | **Lớp học** |
| **23.** | **Bài 20.**  **Tiết 2: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế** | **1** | **22** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **24.** | **Bài 22. Vấn đề phát triển nông nghiệp** | **1** |  | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **25.** | **Bài 23. Thực hành - Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu ngành trông trọt**  **(** bài tập 1 ý b không yêu cầu học sinh làm) | **1** | **23** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **26.** | **Bài 24. Vấn đề phát triển ngành thuỷ sản và lâm nghiệp** | **1** |  | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **27.** | **Bài 26. Cơ cấu ngành công nghiệp** | **1** | **24** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **28.** | **Bài 27. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm** | **1** |  | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **29.** | **Bài 28. Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp** | **1** | **25** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **30.** | **Bài 29. Thực hành: Vẽ biểu đồ,nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu CN** | **1** |  | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **31.** | **Bài 30. Vấn đề phát triển ngành giao thông vận** **tải - thông tin liên lạc** | **1** | **26** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **32.** | **Bài 31. Vấn đề phát triển thương mại du lịch** | **1** | **26** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **33.** | **ÔN TẬP** | **1** | **27** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **34.** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** | **1** |  | Atlat | **Lớp học** |
| **35.** | **Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh trung du - miền núi Bắc Bộ** | **1** | **28** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **36.** | **Bài 33. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng** | **2** | **28+29** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **37.** | **Bài 35. Vấn đề phát triển - xã hội ở Bắc Trung Bộ** | **1** | **29** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **38.** | **Bài 36. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ** | **1** | **30** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **39.** | **Bài 37. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên** | **1** |  | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **40.** | **Bài 38. Thực hành:** **So sánh Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ về cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia sức lớn** | **1** | **31** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **41.** | **Bài 39. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ** | **2** | **31+32** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **42.** | **Bài 41. Vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng Sông Cửu Long** | **2** | **32+ 33** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **43.** | **Bài 42. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quẩn đảo** | **2** | **33 + 34** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **44.** | **ÔN TẬP** | **1** | **34** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **45.** | **ÔN TẬP** | **1** | **35** | SGK, Atlat | **Lớp học** |
| **46.** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** | **1** | **35** | Atlat | **Lớp học** |

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*

*(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.*

*(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).*

**2. Chuyên đề lựa chọn ( đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự tiết PPCT** | **Chuyên đề** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
| 1-10 | 10.1.  Biến đổi khí hậu | 10 | Từ tuần 1 đến tuần 10 | - Bản đồ khí hậu Việt Nam  - Bản đồ khí hậu thế giới  - Bản đồ tự nhiên thế giới  - Máy chiếu  - Video, tranh ảnh về biến đổi khí hậu | - Lớp học  - Phòng học bộ môn  -Thực địa |
| 11-25 | 10.2. Độ thị hóa | 15 | Từ tuần 11 đến tuần 25 | - Bản đồ dân cư Việt Nam  - Bản đồ dân cư thế giới  - Máy chiếu  - Video, tranh ảnh về đô thị hóa  - Atlat Địa lí Việt Nam | Lớp học |
| 26-35 | 10.3. Phương pháp viết báo cáo địa lí | 10 | Từ tuần 26 đến tuần 35 | - Máy chiếu  - Atlat Địa lí Việt Nam  - Video, tranh ảnh tư liệu | Lớp học |

**II. Nhiệm vụ khác** :

***1. Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn***

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường *(theo lịch của tổ NVBM)*

- Tham gia SHCM của tổ theo định kì hằng tháng (02 lần/tháng).

- Tham gia thiết kế KHBD theo mô hình NCBH và thực hiện lên lớp.

- Tham gia thiết kế KHBD theo định hướng STEM và thực hiện lên lớp.

***2. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa***.

- Thời gian: Theo kế hoạch chung của tổ ( Tháng 12/2022)

- Nội dung: **Giáo dục bảo vệ môi truờng**

- Thành phần: Giáo viên, học sinh lớp dạy.

***3. Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học,theo chuyên đề*:**

a. Sinh hoạt theo NCBH

- Nội dung sinh hoạt:

+ Xây dựng Kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

+ Rà soát việc thực hiện kế hoạch dạy học.

+ Góp ý nhận xét tiết dạy theo hướng nghiên cứu bài học.

b. Sinh hoạt theo chuyên đề chuyên môn:

- Nội dung sinh hoạt : Học kì I: khối 10 ;Tên chuyên đề: *Biến đổi khí hậu*.

Bước 1: Công tác chuẩn bị

- Dự kiến nội dung công việc, tiến trình hoạt động;

- Dự kiến những phương tiện, thiết bị cần cho hoạt động;

- Dự kiến giao nhiệm vụ cho từng thành viên và thời gian hoàn thành công việc.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn;

- Phân công giáo viên viết biên bản (nghị quyết);

- Tổ trưởng điều hành buổi sinh hoạt chuyên đề: Xác định rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận rõ ràng; nêu rõ nguyên tắc làm việc; khêu gợi các ý kiến phát biểu của đồng nghiệp: mời giáo viên cũ phát biểu trước, giáo viên mới phát biểu sau; Biết chẻ nhỏ vấn đề thảo luận bằng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu;

- Các thành viên được phân công viết các chuyên đề báo cáo nội dung.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên đề

- Tổ trưởng chuyên môn đánh giá những ưu điểm và tồn tại của chuyên đề, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của chuyên đề trong thực tế giảng dạy

***4. Các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác dạy học***

*4.1.* ***Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến* :** **Tài nguyên Biển đối với sự phát triển bền vững**

***4.2. Đăng kí thực hiện thao giảng*:**

**- HKI : Bài Thiên nhiên phân hóa đa dạng (T1).**

**- HKII : Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.**

***4.3. Đăng kí các cuộc thi*:**

**+ Đăng kí soạn giáo án Elening.**

**+ Đăng kí dự thi các cuộc thi khác .**

*4.4. Sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học* :

- Tích cực sử dụng đồ dùng dạy học và thiết bị có ở phòng thiết bị bộ môn đồng thời khai thác thêm các tư liệu dạy học trên internet.

- Dự kiến tự thiết kế 01 đồ dùng dạy học mới là: Video lồng ghép giáo dục địa phuơng

*4.5. Chỉ tiêu đăng kí phấn đấu chất lượng giáo dục bộ môn*:

- Môn Địa 10,11 : 95% trung bình trở lên.

- Môn Địa 12: 98% trung bình trở lên.

***5. Công tác bồi duỡng thuờng xuyên***

- Mục tiêu:

+ Cập nhật kiến thức , kỹ năng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệm vụ năm học.

+ Nắm được nội dung cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông 2018

-Nội dung:

+ Nội dung 1 :(40 tiết): *Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng thực hiện nhiệm vụ năm học*

+ Nội dung 2 :(40 tiết): *Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục năm học của địa phương, đơn vị.*

+ Nội dung 3: (40 tiết): *Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm*

- Tên modul 05: Tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động giáo dục và dạy học

+ Thực hiện theo Công văn số 1182/SGDĐT- GDTrH ngày 16/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi V/v hướng dẫn triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông

- Hình thức học:

+ Tự bồi dưỡng tại nhà thông qua sách và các trang mạng kết hợp với SHCM của tổ.

+ Theo quy định của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi

***6. Bồi duỡng học sinh giỏi***

- Dự kiến tham gia:BDHSG cấp trường và tuyển chọn BDHSG cấp tỉnh với các chuyên đề: Địa lí Tự nhiên đại cuơng và Địa lí Tự nhiên 12.

- Số lượng học sinh trong đội tuyển học sinh giỏi: 2 – 4

- Nội dung:

+ Bồi dưỡng bộ môn Địa lí 10,11,12 theo kế hoạch của trường

+ Thời gian : Trong năm học ( Tùy thuộc vào tình hình chung của trường)

***7.Quản lí hoạt động chuyên môn của tổ***

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giảng dạy, đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra hồ sơ để điều chỉnh kịp thời những sai sót trong hoạt động dạy và học.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học qua công tác bồi dưỡng, dự giờ thăm lớp của giáo viên, đánh giá rút kinh nghiệm công khai các tiết dự giờ kiểm tra đánh giá trong tổ chuyên môn; tổ chức chuyên đề tăng cường theo hướng trao đổi, thảo luận về các chủ đề, phương pháp, nội dung giảng dạy, rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc gặp phải trong giảng dạy

   - Có kế hoạch từng tuần, tháng. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, đi sâu vào nội dung chương trình giáo dục, phương pháp dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh. Chú ý đến học sinh yếu kém để có kế hoạch phụ đạo hoặc có cách dạy học hợp lí. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ học sinh giỏi bộ môn.

- Tăng cường dự giờ, tổ chức thao giảng, kiểm tra đánh giá họat động giảng dạy của giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo NCBH 02 lần/HK; sinh hoạt chuyên đề chuyên môn 02 sản phẩm/năm học.

- Tổ chức thực hiện ít nhất 01 bài dạy STEM/nhóm/học kì

- Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa 01 lần/HK

**III. Kế hoạch thực hiện chi tiết:**

| **Tháng** | **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| 9/2022 | **Chủ điểm: Chào mừng CMT8 và ngày Quốc khánh nước Việt nam 2/9/2022**  - GV nhận lớp, phân công chuyên môn, kiêm nhiệm.  - Thực hiện giảng dạy theo kế hoạch.  - Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục bộ môn, Kế hoạch giáo dục nhà trường  - Tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.  - Xây dựng các Kế hoạch của cá nhân và của tổ  - Triển khai các cuộc thi đến HS.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - Báo cáo các nội dung liên quan công tác chuyên môn cho cấp trên.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV trong tổ  -GV trong tổ  -GV trong tổ  -GV trong tổ  -GV được phân công  -GV trong tổ  -GV CN  -GV trong tổ |
| 10/2022 | **Chủ điểm: Chào mừng 50 năm giải phóng Ba Tơ và 92 năm ngày PNVN 20/10**  - Xây dựng và triển khai kiểm tra toàn diện đợt 1 trong năm học 2022-2023.  - GV tham gia các lớp tập huấn (nếu có).  - Tập huấn nội dung modul về triển khi Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho CBQL và GV.  - Xây dựng kế hoạch và BD HSG 12 cấp trường.  - Nhận giấy chứng nhận vào 10 năm học 2022-2023.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - SHCM theo nghiên cứu bài học ( Nhóm Địa)  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV trong tổ  -GV được phân công  -GV Bồi dưỡng  -GVCN lớp 10  -GV trong tổ |
| 11/2022 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày NGVN 20/11/2022**  - Tiếp tục dự giờ giáo viên trong kiểm tra toàn diện đợt 1.  - Xây dựng kế hoạch và kiểm tra, đánh giá định kì trong HKI.  - Tiếp tục BD HSG lớp 12.  - Tiếp tục triển khai các cuộc thi của HS, GV.  - Xây dựng kế hoạch và triển khai BD HSG 11 cấp trường.  - Thực hiện các quy chế chuyên môn.  - SHCM theo chủ đề ( Nhóm Sử-CD)  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV được phân công  -GV trong tổ  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV trong tổ |
| 12/2022 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2022**  - Tiếp tục BD HSG 12 cấp trường; tổ chức thi HSG 12 cấp trường tuyển chọn đội tuyển bồi dưỡng dự thi cấp tỉnh.  - Thành lập đội tuyển HSG 12, bồi dưỡng dự thi cấp tỉnh.  - Tham gia tập huấn (nếu có) và triển khai tập huấn đại trà tại đơn vị.  - Tổ chức thi KHKT cấp trường (nếu có sản phẩm).  - Tiếp tục BD HSG 11 cấp trường.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV được phân công  -Nhóm trưởng  -GV được phân công  -GV trong tổ  -GV được phân công  -GV trong tổ |
| 01/2023 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày HSSV 09/01/2023**  - Xây dựng kế hoạch kiểm tra cuối HKI và kiểm tra cuối HKI.  - Kiểm tra hồ sơ chuyên môn của tổ và cá nhân đợt 1 năm học 2022-2023.  - Tổng kết kiểm tra toàn diện đợt 1.  - Tiếp tục BD HSG 12 cấp tỉnh. Đăng ký danh sách đội tuyển HSG 12 dự thi cấp tỉnh.  - Tiếp tục BD HSG 11 cấp trường và tổ chức thi HSG 11 cấp trường, tuyển chọn đội tuyển dự thi cấp tỉnh.  - Xây dựng kế hoạch và BD HSG 11 cấp tỉnh.  - Thực hiện quy chế chuyên môn và chuẩn bị hồ sơ chuyên môn phục vụ công tác kiểm tra của cấp trên.  - Điều chỉnh phân công kiêm nhiệm trong HKII.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV trong tổ  -TTCM  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV được phân công  -TTCM  -GV được phân công  -GV trong tổ |
| 02/2023 | **Chủ điểm:Chào mừng ngày TL Đảng 03/02/2023**  - Thi GVCN giỏi cấp trường.  - Tham gia tập huấn (nếu có) và triển khai tập huấn đại trà tại đơn vị.  - Tiến hành kiểm tra nội bộ công tác chuyên môn và bổ sung thiếu sót để chuẩn bị hồ sơ chuyên môn phục vụ công tác kiểm tra cấp trên.  - Thực hiện các báo cáo phục vụ cho đoàn kiểm tra chuyên môn của cấp trên và báo cáo Giáo dục dân tộc (nếu có).  - Tiếp tục BD HSG 11 cấp tỉnh  - Tiếp tục dự giờ kiểm tra toàn diện đợt 2 và ôn tập tốt nghiệp THPT đợt 2.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - SHCM theo nghiên cứu bài học ( Nhóm Sử-CD)  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV trong tổ  -GV được phân công  -TTCM và GV  -TTCM và GV  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV trong tổ  -GV trong tổ  - Nhóm Sử -CD  -GV trong tổ  - GV trong tổ |
| 03/2023 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 08/03 và ngày TL Đoàn 26/3**  - Chuẩn bị đầy đủ nội dung chuyên môn phục vụ đoàn kiểm tra công tác chuyên môn tại đơn vị.  - Tiếp tục BD HSG 11 cấp tỉnh, dự thi cấp tỉnh.  - Tiếp tục ôn tập Tốt nghiệp THPT đợt 2.  - Tiếp tục thực hiện tăng tiết lớp 12, nghề phổ thông lớp 11.  - Tiếp tục dự giờ kiểm tra toàn diện đợt 2.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - SHCM theo chủ đề ( Nhóm Địa)  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV trong tổ  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV được kiểm tra  -GV trong tổ  -GV trong tổ |
| 04/2023 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4**  - Tham gia thi nghề phổ thông cho HS 11 vào 15/4/2023.  - Tiếp tục ôn tập Tốt nghiệp THPT đợt 2.  - Tiếp tục dự giờ kiểm tra toàn diện đợt 2.  - Thực hiện một số báo cáo cấp trên: báo cáo nhiệm vụ CNTT, STEM,…  - Đoàn kiểm tra (toàn diện) của Sở kiểm tra tại đơn vị.  - Thực hiện quy chế chuyên môn.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV được phân công  -GV được phân công  -GV được phân công  -GV được phân công  -TTCM và GV  -GV trong tổ  -GV trong tổ |
| 05/2023 | **Chủ điểm: Chào mừng ngày quốc tế lao động 01/05 và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/05**  - Tổ chức kiểm tra cuối HKII cho HS 12, thực tổng kết, xếp loại HS 12.  - Tổng kết kiểm tra toàn diện đợt 2 năm học 2022-2023.  - Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn cho cấp trên và phục vụ tổng kết năm học.  - Xây dựng và thực hiện kế hoạch ôn tập Tốt nghiệp THPT đợt 3 ở các bộ môn HS đăng ký ôn tập.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị  **- Kí duyệt giáo án định kì** | -GV dạy 12  -GV được phân công  -TTCM và GV  -GV được phân công  -GV trong tổ |
| 6/2023 | - Tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối HKII cho HS 10, 11.  - Tổng kết đánh giá, xếp loại HS 10, 11.  - Kiểm tra hồ sơ chuyên môn của tổ và giáo viên đợt 2.  - Thực hiện đánh giá kết quả BDTX các nội dung 1, 2.  - Báo cáo tổng kết năm học cấp trên  - Tham gia các công tác khác của đơn vị | -GVtrong tổ  -GV dạy  -TTCM và GV  -TTCM  -TTCM và GV  -GV trong tổ |
| 7,8/2023 | - Tổ chức cho học sinh dự thi Tốt nghiệp lớp 12.  - Tổ chức tuyển sinh vào 10 năm học 2023-2024  - Tổ chức thi lại và xét lên lớp.  - Tham gia BDTX hè 2023  - Chuẩn bị cho năm học mới.  - Tham gia các công tác khác của đơn vị | -GV được phân công |

DUYỆT CỦA BGH Người thực hiện

Đinh Thị Trà Giang

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |